TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 129/2025/DS-ST Ngày: 30 - 9 - 2025 V/v: "T/C Hợp đồng tín dụng"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Tự;
Ông Phan Công Điện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần C (V)

Địa chỉ: Số A T, phường C, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Trần Minh B, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Đại diện hợp pháp:

1. Lê Ngọc D, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh C1; là người được ủy quyền lại khởi kiện và tham gia tố tụng;

2. Nguyễn Phượng H, chức vụ: Trưởng Phòng G- Chi nhánh C1; địa chỉ: Số A M, phường C, thành phố Cần Thơ; là người được ủy quyền lại tham gia tố tụng. Có mặt.

- *Bị đơn*: 1. Huỳnh Thanh T

2. Dương Thị Thanh T1

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ). Cùng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 5 năm 2025 và đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và xác định lại yêu cầu khởi kiện ngày 25 tháng 7 năm 2025, đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Lê Ngọc D trình bày:

Các bị đơn là ông Huỳnh Thanh T và bà Dương Thị Thanh T1 có xác lập 02 khoản vay của V, cụ thể:

1. Khoản vay theo Hợp đồng cho vay số: 12/2022-HĐCV/NHCT820.CR ngày 10 tháng 02 năm 2022; số tiền vay: 5.000.000.000 đồng; thời hạn vay: 240 tháng; lãi suất cho vay: 6,5%.

2. Khoản vay thẻ tín dụng:

2.1. Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 046.07/2022-CR.TCCN ngày 26 tháng 7 năm 2022; tên chủ thẻ: Huỳnh Thanh T; hạn mức tín dụng: 50.000.000 đồng; lãi suất theo chuẩn Quốc tế là 18,5%/năm tính trên dư nợ gốc; ngày thanh toán từng lần: Ngày 05 hàng tháng; thời hạn hiệu lực của thẻ: 36 tháng.

2.2. Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 021.06/2022-CR.TDQT ngày 01 tháng 6 năm 2022; tên chủ thẻ: Huỳnh Thanh T; hạn mức tín dụng: 50.000.000 đồng; lãi suất theo chuẩn Quốc tế là 18,5%/năm tính trên dư nợ gốc; ngày thanh toán từng lần: Ngày 05 hàng tháng; thời hạn hiệu lực của thẻ: 60 tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, các bị đơn đã đã tất toán khoản nợ theo Hợp đồng cho vay số: 12/2022-HĐCV/NHCT820.CR ngày 10 tháng 02 năm 2022. Do đó, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ này cùng các yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo khoản nợ này.

Đối với các khoản nợ theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 021.06/2022-CR.TDQT ngày 01 tháng 6 năm 2022 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 046.07/2022-CR.TCCN ngày 26 tháng 7 năm 2022, quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã dùng thẻ để thanh toán và rút tiền tổng số là 96.615.789 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc các bị đơn là ông Huỳnh Thanh T và bà Dương Thị Thanh T1 trả cho nguyên đơn số tiền là 100.894.294 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 96.615.789 đồng, nợ lãi là 3.730.651 đồng, nợ phí phạt chậm trả là 574.854 đồng, và tiếp tục

trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi tất toán.

Tại phiên tòa, người được ủy quyền lại tham gia tố tụng của nguyên đơn là bà Nguyễn Phượng H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc các bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền là 105.046.149 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 96.615.781 đồng, nợ lãi là 6.922.507 đồng, nợ phí phạt quá hạn là 1.507.861 đồng.

- Các bị đơn là ông Huỳnh Thanh T và bà Dương Thị Thanh T1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, các bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Đối với khoản vay theo Hợp đồng cho vay số: 12/2022-HĐCV/NHCT820.CR ngày 10 tháng 02 năm 2022, số tiền vay là 5.000.000.000 đồng, các bị đơn đã thanh toán xong, tài sản thế chấp đã được giải chấp, nên tại đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và xác định lại yêu cầu khởi kiện ngày 25 tháng 7 năm 2025 nguyên đơn không yêu cầu giải quyết đối với khoản vay này. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.2] Đối với khoản vay sử dụng thẻ tín dung, phía nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 046.07/2022-CR.TCCN ngày 26 tháng 7 năm 2022, tên chủ thẻ: Huỳnh Thanh T, hạn mức tín dụng: 50.000.000 đồng; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 021.06/2022-CR.TDQT ngày 01 tháng 6 năm 2022, tên chủ thẻ: Huỳnh Thanh T, hạn mức tín dụng: 50.000.000 đồng. Chứng minh giao dịch phát hành thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng thẻ tín dụng và thỏa thuận về thời hạn sử dụng thẻ phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Ngược lại,

phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến phản đối hay cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành giải quyết vụ án trên cơ sở tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, chấp nhận ý kiến và các chứng cứ, tài liệu nguyên đơn đã cung cấp.

[3.3]. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn Huỳnh Thanh T đã sử dụng thẻ tín dụng để thanh toán và rút tiền nhiều lần với tổng số tiền là 96.615.789 đồng, nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và đóng lãi phát sinh theo phương thức trả nợ từng lần như thoả thuận lần là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ là có căn cứ.

[3.4] Nội dung Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 021.06/2022-CR.TDQT ngày 01 tháng 6 năm 2022 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 046.07/2022-CR.TCCN ngày 26 tháng 7 năm 2022 thoả thuận lãi suất là 18,5%/năm tính trên dư nợ gốc là phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng về phí, lãi sử dụng thẻ tín dụng. Do đó, đại diện nguyên đơn yêu cầu trả cho nguyên đơn số tiền là 105.046.149 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 96.615.781 đồng, nợ lãi là 6.922.507 đồng, nợ phí phạt quá hạn là 1.507.861 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, xét giao dịch sử dụng thẻ tín dụng theo 02 Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng nêu trên là khoản nợ vay tín chấp, được bị đơn Huỳnh Thanh Trung trực tiếp giao dịch, người đứng tên chủ thẻ là Huỳnh Thanh T, do bị đơn Huỳnh Thanh T trực tiếp sử dụng thẻ để thanh toán và rút tiền; bị đơn Dương Thị Thanh T1 không tham gia giao dịch, không sử dụng thẻ để thực hiện giao dịch thanh toán và rút tiền nên không có căn cứ buộc bị đơn Dương Thị Thanh T1 liên đới trả nợ.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Huỳnh Thanh T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 105.046.149 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 96.615.781 đồng, nợ lãi là 6.922.507 đồng, nợ phí phạt quá hạn là 1.507.861 đồng; không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về việc buộc bị đơn Dương Thị Thanh T1 liên đới trả nợ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Huỳnh Thanh T phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 91, 92, 144, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 91, 95 và 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 210 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn là ông Huỳnh Thanh T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần C (do bà Lê Ngọc D và bà Nguyễn Phượng H đại diện) số tiền là 105.046.149 đồng (một trăm lẻ năm triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm bốn mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc là 96.615.781 đồng, nợ lãi là 6.922.507 đồng, nợ phí phạt quá hạn là 1.507.861 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc buộc bị đơn Dương Thị Thanh T1 liên đới trả nợ.

3. Về án phí: Ông Huỳnh Thanh T phải chịu 5.252.000 đồng (năm triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần C (do bà Lê Ngọc D và bà Nguyễn Phượng H đại diện) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.522.000 đồng (hai triệu năm trăm hai mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001326 ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật (mức lãi suất các bên thỏa thuận là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 13-Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Hữu Thắng